

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP ĐẠI NGÂN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP ĐẠI NGÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI NGAN GENERAL TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3703175270

3. Ngày thành lập: 06/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 289 đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP Tân Phú 1, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0965441086

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm..	4662(Chính)
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
13.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
14.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4690
15.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
16.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

17.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
18.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu	1709
19.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
20.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: Sản xuất nhôm từ alumin; Sản xuất hợp kim nhôm; Sơ chế nhôm	2420
21.	Đúc sắt, thép	2431
22.	Đúc kim loại màu	2432
23.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
24.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
25.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
26.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
27.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
28.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
29.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
30.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
31.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
34.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
35.	Tái chế phế liệu	3830
36.	Xây dựng nhà để ở	4101
37.	Xây dựng nhà không để ở	4102
38.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
39.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
40.	Xây dựng công trình điện	4221
41.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
42.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
43.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
44.	Xây dựng công trình thủy	4291
45.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
46.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
47.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
48.	Phá dỡ	4311
49.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
50.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

